

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2233/QĐ-ĐHM ngày 02 tháng 10 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

I. Thông tin tổng quát

1. Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Anh**
2. Ngành đào tạo tiếng Anh: English
3. Mã ngành: 7220201
4. Trình độ đào tạo: Đại học
5. Hình thức đào tạo: Chính quy, tập trung.
6. Thời gian đào tạo: 04 năm
7. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tổng số tín chỉ):
Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại: **127** tín chỉ
8. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

II. Mục tiêu đào tạo

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Anh chất lượng cao đào tạo các cá nhân có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và có sức khỏe tốt; có thể làm việc hiệu quả trong lĩnh vực Thương mại dịch vụ, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế, có năng lực tự học, tự nghiên cứu, có khả năng thích nghi cao với môi trường doanh nghiệp và tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể	Mô tả
Kiến thức	

Mục tiêu cụ thể	Mô tả
PO.1	Trang bị kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội và con người để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.
PO.2	Cung cấp kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hệ thống ngôn ngữ, văn hóa, văn học các nước sử dụng tiếng Anh để giải quyết các vấn đề chuyên môn.
PO3.	Cung cấp kiến thức về chuyên môn ngành nghề Thương mại.
Kỹ năng	
PO.4	Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ Anh để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
PO.5	Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành Ngôn ngữ Anh và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.
PO.6	Giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.

III. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại những vị trí việc làm sau:

- Nhân viên giao dịch ngân hàng, nhân viên chăm sóc khách hàng trong ngành dịch vụ tài chính-ngân hàng
- Nhân viên trong các công ty xuất nhập khẩu
- Nhân viên văn phòng trong các cơ quan nhà nước, chính phủ; các lĩnh vực kinh doanh và marketing, quan hệ công chúng
- Nhân viên tổ chức sự kiện sự kiện và truyền thông ở các cơ sở giáo dục đào tạo và doanh nghiệp
- Trợ lý hoặc thư ký cho giám đốc hoặc trưởng phòng
- Huấn luyện viên hoặc đào tạo viên về kỹ năng tiếng Anh thương mại trong công ty hoặc phòng ban

- Trợ giảng tiếng Anh thương mại, tư vấn viên, trợ lý điều hành ở các trung tâm ngoại ngữ hoặc trường nghề
- Nhân viên phục vụ mặt đất ở sân bay, nhân viên đại lý lữ hành, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên lễ tân khách sạn và nhân viên phục vụ nhà hàng (sau khi bổ sung các chứng chỉ nghiệp vụ liên quan)

IV. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra	Mô tả
Kiến thức	
PO1: Trang bị kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội và con người để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.	
PLO1: Có các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc và cuộc sống.	
PLO1.1: Giải thích được ở mức độ cơ bản mối quan hệ ràng buộc giữa môi trường tự nhiên với các vấn đề về xã hội và con người.	
PLO1.2: Vận dụng một số kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và logic học để giải quyết vấn đề.	
PLO2: Có các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, kinh tế và khoa học xã hội, nhân văn cho việc giải thích, phân tích những vấn đề trong công việc và cuộc sống.	
PLO2.1: Vận dụng được những quan điểm khoa học về tính cách mạng, tính nhân văn của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng để giải quyết các vấn đề cơ bản trong thực tiễn.	
PLO2.2: Giải thích được một số vấn đề cơ bản về xã hội và con người phục vụ cho công việc và cuộc sống.	
PLO2.3: Giải thích được bản chất, vai trò của pháp luật để hiểu biết và có ý thức tuân thủ luật pháp trong công việc và cuộc sống.	
PO2: Cung cấp kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hệ thống ngôn ngữ, văn hóa, văn học các nước sử dụng tiếng Anh để giải quyết các vấn đề chuyên môn.	
PLO.3 Áp dụng kiến thức về ngôn ngữ Anh và văn hóa, văn học các nước sử dụng tiếng Anh trong hoạt động chuyên ngành Thương mại.	
PLO3.1: Vận dụng các kiến thức về các cấp độ bình diện của tiếng Anh như ngữ âm, hình thái, từ vựng, cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng học trong hệ thống lý thuyết ngôn ngữ Anh trong giao tiếp và trong chuyên môn.	
PLO3.2: Trình bày được những đặc thù văn hóa của quốc gia sử dụng tiếng Anh và đối sánh với văn hóa Việt Nam và vận dụng kiến thức này trong công việc.	
PLO3.3: Phân tích được các tác phẩm văn học các nước nói tiếng Anh, chọn lọc tiếp nhận và vận dụng trong cuộc sống và trong công việc các giá trị nhân văn được truyền tải trong các tác phẩm văn học.	
PO3. Cung cấp kiến thức về chuyên môn ngành nghề Thương mại.	

Chuẩn đầu ra	Mô tả
	PLO4: Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực chuyên ngành Thương mại để vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn.
	PLO4.1: Khái quát hoá được hệ thống lý thuyết trong chuyên ngành thương mại.
	PLO4.2: Vận dụng được hệ thống lý thuyết trong thực hành nghề nghiệp, công tác chuyên môn.
	PLO4.3: Đánh giá được kết quả khi vận dụng các lý thuyết trong thực tiễn để có những điều chỉnh phù hợp trong các tình huống, môi trường khác nhau.
	PLO4.4: Đạt chuẩn chuyên môn chuyên ngành Tiếng Anh thương mại (BEC Vantage của Cambridge English).
Kỹ năng	
	PO4: Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ Anh để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.
	PLO5: Có kỹ năng nhận thức và giải quyết vấn đề chuyên môn phức tạp trong lĩnh vực thương mại.
	PLO5.1: Có kỹ năng tư duy hệ thống và phân biện.
	PLO5.2: Có kỹ năng nhận dạng và giải quyết vấn đề.
	PLO6: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp một cách chuyên nghiệp trong lĩnh vực Thương mại. Có năng lực vận dụng linh hoạt và sáng tạo các kiến thức chuyên ngành kinh doanh, thương mại trong thực hành nghề nghiệp trong môi trường kinh doanh thương mại quốc tế sử dụng tiếng Anh.
	PLO7: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả và làm việc tích cực trong môi trường hội nhập.
	PLO7.1: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả.
	PLO7.2: Tôn trọng sự khác biệt về cá nhân, về văn hóa trong môi trường làm việc.
	PLO7.3: Sử dụng được máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, sử dụng Internet ở mức độ thành thạo.
	PLO8: Người học sử dụng tiếng Anh thành thạo và lưu loát, hiệu quả trong học thuật, đời sống và trong môi trường lao động; và giao tiếp được bằng 1 ngoại ngữ khác (Trung, Nhật, Hàn, Pháp).
	PLO8.1: Đạt chuẩn kỹ năng ngôn ngữ Anh (nghe, nói, đọc, viết) tương đương Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
	PLO8.2: Sử dụng để giao tiếp bằng 1 ngoại ngữ khác (Trung, Nhật, Hàn, Pháp) tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	PO5: Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành Ngôn ngữ Anh và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.
	PLO9: Có năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm, và khả năng lãnh đạo nhóm
	PLO9.1: Tham gia tích cực vào việc trao đổi, ra quyết định trong nhóm.
	PLO9.2: Hoàn thành công việc hiệu quả và đúng thời gian, phối hợp tốt.

Chuẩn đầu ra	Mô tả
PLO9.3:	Ứng dụng kỹ năng ứng xử và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm.
PLO9.4:	Biết tôn trọng sự khác biệt giữa các thành viên trong nhóm và tìm sự thống nhất qua thảo luận.
PLO 9.5:	Định hướng, giám sát, thúc đẩy hiệu quả công việc, và phát triển nhóm.
PLO10:	Có năng lực tổ chức thực hiện công việc, học hỏi, tự nghiên cứu, và phát triển bản thân.
PLO10.1:	Có khả năng quản lý công việc bản thân và công việc người khác.
PLO10.2:	Có khả năng tự đổi mới và tinh thần khởi nghiệp.
PLO10.3:	Thể hiện năng lực quan sát, tư duy phản biện và khả năng tự đánh giá và cải tiến để phát triển bản thân.
PLO10.4:	Thích ứng với các thay đổi trong chuyên môn ngành nghề.
PO6:	Giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.
PLO11:	Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.
PLO11.1:	Nhận thức được tầm quan trọng và có khả năng thực hiện trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng và đất nước.
PLO11.2:	Nhận thức được tầm quan trọng và có khả năng thực hiện trách nhiệm của công dân toàn cầu.
PLO11.3:	Tham gia tích cực thực hiện công tác cộng đồng.
PLO11.4:	Nhận thức được tầm quan trọng và có khả năng thực hiện đạo đức nghề nghiệp.

V. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

VI. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành và Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ Đại học hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định bởi Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành và Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ Đại học hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

Sinh viên chuyên ngành tiếng Anh thương mại có chứng chỉ BEC của Cambridge English từ 150 trở lên hoặc đạt bài thi tương đương do Trường Đại học Mở Thành phố

Hồ Chí Minh tổ chức.

Có chứng chỉ năng lực tiếng Anh đạt trình độ bậc 5 trên 6 theo khung năng lực ngoại ngữ quốc gia hoặc bài thi năng lực tiếng Anh Quốc tế có điểm tương đương, hoặc bài thi do Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

VII. Cách thức đánh giá

Chương trình sử dụng thang điểm 10 để đánh giá môn học, quy tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

VIII. Nội dung chương trình

1. Cấu trúc chương trình

STT	Cấu trúc CTĐT	Số tín chỉ			Tỷ lệ
		Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn	
1.	Kiến thức giáo dục đại cương	37	11	26	29.1%
1.1.	Lý luận chính trị	11	11	0	
1.2.	Kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, luật	5		5	
1.3.	Tin học và khoa học tự nhiên	6		6	
1.4.	Ngoại ngữ	15		15	
1.5.	Giáo dục thể chất	3	1.5	1.5	
1.6.	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	8		
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	80	71	9	64.6%
2.1.	Kiến thức cơ sở (khối ngành, nhóm ngành, ngành)	50	50		
2.2.	Kiến thức ngành	11	9	2	
2.3.	Kiến thức chuyên ngành chuyên sâu	15	12	3	
2.4.	Kiến thức bổ trợ	4		4	
3.	Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn thay thế)	10	10		6.3%
3.1.	Thực tập tốt nghiệp	4	4		
3.2.	Khóa luận tốt nghiệp	6	6		
3.3.	Môn thay thế khóa luận tốt nghiệp	7	3	4	
Tổng cộng		127	95	32	

2. Nội dung chương trình

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			LT	TH	
1. Kiến thức giáo dục đại cương			30.5	6.5	
1.1	Lý luận chính trị		10.5	0.5	
1	Triết học Mác - Lênin Marxist – Leninist phylosophy	POLI1304	3		
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Marxist – Leninist Political Economics	POLI1205	2		
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	POLI1206	2		
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese communist party	POLI1207	2		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh’s Ideology	POLI1208	1.5	0.5	
1.2	Khoa học xã hội, nhân văn và luật		5		
1.2.1	Khoa học xã hội nhân văn		2		
	Tự chọn: chọn một trong các môn học sau				
6	Đại cương văn hóa Việt Nam Vietnamese Culture	VIET6301	3		
7	Nhân học đại cương Introduction to Anthropology	SOCI6303	3		
8	Cơ sở ngôn ngữ học The Vietnamese Language	VIET6302	3		
9	Tiếng Việt thực hành Introduction to Vietnamese Linguistics	VIET6201	2		
10	Lịch sử văn minh thế giới History of World Civilization	SEAS6303	2	1	
11	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu Comparative Linguistics	VIET6303	3		
12	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập Career Orientation and Academic Skills Training	EDUC6301	3		

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			LT	TH	
1.2.2.	Pháp luật		3		
	Tự chọn: chọn một trong các môn học sau				
13	Pháp luật đại cương Introduction to Law	GLAW6301	3		
14	Lý luận nhà nước và pháp luật Theories of State and Law	BLAW6301	3		
1.3	Kiến thức tin học và khoa học tự nhiên		5	1	
	Tự chọn: chọn một trong các môn học sau		2	1	
15	Tin học đại cương Information Technology Basics	COMP6301	2	1	
16	Tin học ứng dụng Applied Computer Science	COMP6302	2	1	
17	Nhập môn tin học Introduction to Informatics	ITEC6301	2	1	
	Tự chọn: chọn một trong các môn học sau		3		
18	Logic học Logic	ACCO6317	3		
19	Tư duy phản biện Critical thinking	BLAW6303	3		
20	Tư duy phản biện Critical Thinking (English)	BLAW5302	3		
21	Logic học (TA) Logics (English)	ACCO5328	3		
22	Con người và môi trường Human Environmental Interaction	BIOT6301	2	1	
23	Con người và môi trường (TA) Human Environmental Interaction (English)	BIOT5301	3		
1.4	Ngoại ngữ phụ		10	5	
	Chọn một trong các ngoại ngữ sau				
24	Tiếng Trung (1-5)	GCHI2301 – GCHI2305	10	5	

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			LT	TH	
	(Chinese)				
25	Tiếng Nhật (1-5) (Japanese)	GJAP2301 – GJAP2305	10	5	
26	Tiếng Hàn (1-5) (Korean)	KORE2301 – KORE2305	10	5	
27	Tiếng Pháp (1-5) (French)	FREN2301 – FREN2305	10	5	
1.5	Giáo dục thể chất			3	
	Bắt buộc				
28	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	PEDU0201		1.5	
	Giáo dục thể chất 2: Chọn 1 trong các môn sau đây:				
29	GDTC2 – Bóng chuyền Physical Education 2 – Volleyball	PEDU0202		1.5	
30	GDTC2 – Bóng đá Physical Education 2 – Football	PEDU0203		1.5	
31	GDTC2 – Cầu lông Physical Education 2 – Badminton	PEDU0204		1.5	
32	GDTC2 – Võ thuật Physical Education 2 – Martial Art	PEDU0205		1.5	
33	GDTC2 – Bóng bàn Physical Education 2 – Table Tennis	PEDU0206		1.5	
34	GDTC2 – Bơi lội Physical Education 2 – Swimming	PEDU0207		1.5	
35	GDTC2 – Bóng rổ Physical Education 2 – Basketball	PEDU0208		1.5	
1.6	Giáo dục quốc phòng - an ninh		5	3	
36	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam Nation Defense and Security Education: National Defense and Security Lines of the Vietnamese Communist Party	DEDU0301	3		

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			LT	TH	
37	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Công tác quốc phòng và an ninh Defense and Security Education: Defense and Security Work	DEDU0202	2		
38	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Quân sự chung Defense and Security Education: General Military	DEDU0103		1	
39	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật Defense and Security Education: Infantry Fighting Techniques and Tactics	DEDU0204		2	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			51	29	
2.1	Kiến thức cơ sở (khối ngành, nhóm ngành, ngành)		33	17	
40	Ngữ pháp Grammar	ENGL5301	2	1	
41	Đọc - Viết 1 Reading - Writing 1	ENGL5302	2	1	
42	Đọc - Viết 2 Reading - Writing 2	ENGL5303	2	1	
43	Đọc - Viết 3 Reading - Writing 3	ENGL5304	2	1	
44	Đọc - Viết 4 Reading - Writing 4	ENGL5305	2	1	
45	Đọc hiểu nâng cao Advanced Reading Comprehension	ENGL5306	2	1	
46	Viết học thuật Academic Writing	ENGL5307	2	1	
47	Nghe - Nói 1 Listening- Speaking 1	ENGL5308	2	1	
48	Nghe - Nói 2 Listening- Speaking 2	ENGL5309	2	1	
49	Nghe - Nói 3 Listening- Speaking 3	ENGL5310	2	1	

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			LT	TH	
50	Nghe - Nói 4 Listening- Speaking 4	ENGL5311	2	1	
51	Nghe - Nói 5 Listening- Speaking 5	ENGL5312	2	1	
52	Nghe - Nói 6 Listening- Speaking 6	ENGL5313	2	1	
53	Luyện phát âm Pronunciation	ENGL5314	2	1	
54	Luyện dịch 1 Translation 1	ENGL5315	2	1	
55	Luyện dịch 2 Translation 2	ENGL5316	2	1	
56	Phương pháp NCKH Research Methodology	EDUC5201	1	1	
2.2.	Kiến thức ngành		6	5	
57	Ngữ âm – Âm vị học Phonetics and Phonology	ENGL5201	1	1	
58	Cú pháp – Hình thái học Morphology and Syntax	ENGL5202	1	1	
59	Ngữ nghĩa – Ngữ dụng học Semantics and Pragmatics	ENGL5203	1	1	
60	Văn hóa Anh - Mỹ British- American Culture	ENGL5317	2	1	
	Tự chọn: chọn một trong hai môn sau				
61	Văn học Anh British Literature	ENGL5204	1	1	
62	Văn học Mỹ American Literature	ENGL5205	1	1	
2.3.	Kiến thức chuyên ngành chuyên sâu		10	5	
63	Quản trị học	ENGL5318	2	1	

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			LT	TH	
	Introduction to Management				
64	Marketing căn bản Introduction to Marketing	ENGL5319	2	1	
65	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	ENGL5320	2	1	
66	Kinh tế Vi mô Microeconomics	ENGL5321	2	1	
	Tự chọn: Chọn 1 trong các môn sau:		2	1	
67	Quan hệ công chúng Public Relations	ENGL5322	2	1	
68	Nghệp vụ văn phòng Office Skills	ENGL5323	2	1	
69	Tiền tệ ngân hàng Money & Banking	ENGL5324	2	1	
2.4.	Kiến thức bổ trợ		2	2	
	Tự chọn: chọn hai trong các môn học sau				
70	Nghệp vụ giao dịch ngân hàng Banking Services	ENGL5206	1	1	
71	Thanh toán quốc tế International Transaction	ENGL5207	1	1	
72	Nghệp vụ ngoại thương International Trade	ENGL5208	1	1	
73	Đàm phán trong kinh doanh Business Negotiation	ENGL5209	1	1	
74	Giao tiếp trong kinh doanh Business Communication	ENGL5210	1	1	
75	Anh ngữ du lịch English for Tourism	ENGL5211	1	1	
76	Anh ngữ kinh doanh English for Business	ENGL5212	1	1	
77	Anh ngữ nhân dụng English for Employment	ENGL5213	1	1	

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			LT	TH	
78	Kỹ năng thuyết trình Public Speaking	ENGL5214	1	1	
79	Kỹ năng làm bài thi TOEFL (Paper Test) TOEFL preparation	ENGL5215	1	1	
80	Khởi nghiệp Entrepreneurship	BADM6306	2	1	
3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn thay thế)				10	
81	Thực tập TN Internship	ENGL5401		4	
82	Khoá luận TN Graduation Paper	ENGL5601		6	
Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp			4	3	
	Một môn chuyên ngành tự chọn		2	1	
	Hai môn bổ trợ tự chọn		2	2	
	Tổng cộng		81.5	45.5	

IX. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

STT	Tên môn học	Mã môn học	Khối lượng kiến thức	Ghi chú
HỌC KỲ 1				
1.	Nghe - Nói 1	ENGL5308	3(2,1,5)	
2.	Ngữ pháp	ENGL5301	3(2,1,5)	
3.	Luyện phát âm	ENGL5314	3(2,1,5)	
4.	Môn Khoa học xã hội và nhân văn		2(2,0,4)	
5.	Triết học Mác - Lênin	POLI1304	3(3,0,6)	
6.	Giáo dục thể chất 1	PEDU0201	1.5(0,1.5,1.5)	
7.	GDQP và AN: Đường lối QP và AN của Đảng Cộng sản Việt Nam	DEDU0301	3 (3,0,6)	
8.	GDQP và AN: Công tác quốc phòng và an ninh	DEDU0202	2 (2,0,4)	
9.	GDQP và AN: Quân sự chung	DEDU0103	1 (0,1,1)	

STT	Tên môn học	Mã môn học	Khối lượng kiến thức	Ghi chú
10.	GDQP và AN: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	DEDU0204	2 (0,2,2)	
HỌC KỲ 2				
1.	Nghe - Nói 2	ENGL5309	3(2,1,5)	
2.	Đọc - Viết 1	ENGL5302	3(2,1,5)	
3.	Môn Khoa học tự nhiên		3(3,0,6)	
4.	Môn Kiến thức tin học		3(2,1,5)	
HỌC KỲ 3				
1.	Nghe - Nói 3	ENGL5310	3(2,1,5)	
2.	Đọc - Viết 2	ENGL5303	3(2,1,5)	
3.	Ngoại ngữ hai (1)		3(2,1,5)	
4.	Giáo dục thể chất 2		1.5(0,1.5,1.5)	
HỌC KỲ 4				
1.	Nghe - Nói 4	ENGL5311	3(2,1,5)	
2.	Đọc - Viết 3	ENGL5304	3(2,1,5)	
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	EDUC5201	2(1,1,3)	
4.	Ngoại ngữ hai (2)		3(2,1,5)	
5.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	POLI1205	2(2,0,4)	
6.	Môn Pháp luật		3(3,0,6)	
HỌC KỲ 5				
1.	Nghe - Nói 5	ENGL5312	3(2,1,5)	
2.	Đọc - Viết 4	ENGL5305	3(2,1,5)	
3.	Luyện dịch 1	ENGL5315	3(2,1,5)	
4.	Ngoại ngữ hai (3)		3(2,1,5)	
5.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI1206	2(2,0,4)	
HỌC KỲ 6				
1.	Nghe - Nói 6	ENGL5313	3(2,1,5)	
2.	Đọc hiểu nâng cao	ENGL5306	3(2,1,5)	
3.	Ngoại Ngữ hai (4)		3(2,1,5)	
4.	Viết học thuật	ENGL5307	3(2,1,5)	

mm

STT	Tên môn học	Mã môn học	Khối lượng kiến thức	Ghi chú
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI1207	2(2,0,4)	
HỌC KỲ 7				
1.	Ngữ âm – Âm vị học	ENGL5201	2(1,1,3)	
2.	Tự chọn một trong 2 môn			
	Văn học Anh	ENGL5204	2(1,1,3)	
	Văn học Mỹ	ENGL5205	2(1,1,3)	
3.	Văn hóa Anh- Mỹ	ENGL5317	3(2,1,5)	
4.	Luyện dịch 2	ENGL5316	3(2,1,5)	
5.	Ngoại ngữ hai (5)		3(2,1,5)	
6.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI1208	2(2,0,4)	
HỌC KỲ 8				
1.	Cú pháp – Hình thái học	ENGL5202	2(1,1,3)	
2.	Kinh tế vi mô	ENGL5321	3(2,1,5)	
3.	Marketing căn bản	ENGL5319	3(2,1,5)	
4.	Môn chuyên ngành tự chọn		3(2,1,5)	
5.	Môn bổ trợ chuyên ngành tự chọn 1		2(1,1,3)	
HỌC KỲ 9				
1.	Ngữ nghĩa – Ngữ dụng học	ENGL5203	2(1,1,3)	
2.	Nguyên lý kế toán	ENGL5320	3(2,1,5)	
3.	Quản trị học	ENGL5318	3(2,1,5)	
4.	Môn bổ trợ chuyên ngành tự chọn 2		2(1,1,3)	
HỌC KỲ 10				
1.	Môn chuyên ngành tự chọn (thay thế KLTN)		3(2,1,5)	
2.	Môn bổ trợ chuyên ngành thay thế KLTN 1		2(1,1,3)	
3.	Môn bổ trợ chuyên ngành thay thế KLTN 2		2(1,1,3)	
4.	Khóa luận tốt nghiệp	ENGL5601	6(0,6,6)	
HỌC KỲ 11				
1.	Thực tập tốt nghiệp	ENGL5401	4(0,4,4)	

X. Ma trận môn học và kỹ năng (Phụ lục 1)

XI. Hướng dẫn thực hiện chương trình (Phụ lục 2)

XII. Mô tả môn học

Môn học: **Triết học Mác – Lênin**

Mã môn học: POLI1304

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Triết học Mác-Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin – môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học trong cả nước.

Triết học Mác-Lênin là những nguyên lý triết học cơ bản do C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin viết nên trên cơ sở kế thừa sáng tạo và phát triển tinh hoa triết học nhân loại, tổng kết thực tiễn và trí tuệ thời đại; là thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng, cách mạng; là những quy luật chung nhất của sự vận động và phát triển của thế giới nói chung và sự vận động và phát triển của xã hội nói riêng.

Ý nghĩa – phương pháp luận sâu sắc được rút ra từ việc nghiên cứu Triết học Mác-Lênin có giá trị định hướng đúng đắn cho mọi hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người.

Môn học: **Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

Mã môn học: POLI1205

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Môn học: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã môn học: POLI1206

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Mô tả tóm tắt: Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, là kết quả của sự vận dụng thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin và những học thuyết của kinh tế chính trị Mác - Lênin vào việc nghiên cứu quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.

Môn học: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Mã môn học: POLI1208

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Môn học tư tưởng Hồ Chí Minh được tổ chức giảng dạy cho sinh viên năm thứ hai của chương trình đào tạo Đại học. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về nội dung quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người, trong đó nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Qua môn học này sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu cầu, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần và xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Môn học: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Mã môn học: POLI1207

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Môn học trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh

đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Môn học: **Đại cương văn hóa Việt Nam**

Mã môn học: VIET1305

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về văn hoá Việt Nam. Giúp sinh viên hiểu rõ hơn văn hoá của dân tộc mình để từ đó nhận thức đúng những giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam. Nhìn lại bản sắc và tính cách văn hóa của dân tộc để bảo tồn, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Môn học: **Nhân học đại cương**

Mã môn học: SOCI6303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Nhân học đại cương mà môn học nền tảng dành cho sinh viên các ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về các vấn đề cơ bản nhất liên quan đến cuộc sống con người như quá trình tiến hóa của loài người về mặt sinh học và văn hóa; các giá trị do con người tạo ra và tác động mạnh mẽ đến xã hội loài người như văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ...; các tổ chức xã hội mà con người là thành viên như tộc người, các hiệp hội, thân tộc – hôn nhân – gia đình... Nhân học xem xét tất cả các vấn đề đó đã tác động đến cuộc sống con người trong các xã hội khác nhau như thế nào.

Thông qua môn học, sinh viên sẽ có kiến thức tổng quát về con người dưới cách tiếp cận toàn diện của Nhân học để có nền tảng kiến thức học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo.

Môn học: **Cơ sở ngôn ngữ học**

Mã môn học: VIET6302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là môn học tự chọn trong khối kiến thức Khoa học xã hội và nhân văn. Nắm vững kiến thức môn học này sẽ giúp sinh viên tiếp thu và vận dụng tốt các phân môn của ngôn ngữ như: Ngữ âm học, Từ vựng học, Ngữ pháp học,...

Môn học: **Tiếng Việt thực hành**

Mã môn học: VIET6201

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng; các kiến thức về sử dụng tiếng Việt, về chức năng, cấu trúc, cách nhận diện và cách sửa lỗi sai trong tiếng Việt ở các phương diện: văn bản, ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm; các kiến thức liên quan đến kỹ năng nâng cao hiệu quả giao tiếp và sử dụng tiếng Việt trong thực tiễn; các kiến thức sử dụng tiếng Việt liên quan đến công việc, tự học, nghiên cứu, biên soạn tư liệu, viết bài, luận văn khoa học của sinh viên trong trường đại học,...

Môn học: **Lịch sử văn minh thế giới**

Mã môn học: SEAS6303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về những cơ sở hình thành và những thành tựu cơ bản của các nền văn minh lớn trên thế giới. Qua đây sinh viên sẽ nắm bắt được những quy luật cơ bản phát triển văn minh nhân loại.

Môn học cũng giới thiệu một số nền văn hoá văn minh tiêu biểu ở phương Đông như: Ai Cập – Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc và phương Tây như Hy Lạp và La Mã, Tây Âu...

Môn học: **Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu**

Mã môn học: VIET6303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là môn học tự chọn trong khối kiến thức Khoa học xã hội và nhân văn. Môn này giúp sinh viên nắm được các kiến thức về khái niệm đối chiếu, các kỹ năng trong đối chiếu ngôn ngữ học, các phương pháp đối chiếu, các thủ pháp đối chiếu, nội dung đối chiếu, thứ tự trong đối chiếu và các kỹ năng các yếu tố cùng cấp độ giữa các ngôn ngữ khác nhau nhằm chỉ ra chỗ giống hoặc/và khác nhau giữa các ngôn ngữ.

Môn học: **Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập**

Mã môn học: EDUC6301

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về định hướng nghề nghiệp và các kỹ năng cần thiết để học tập hiệu quả ở bậc học đại học. Cụ thể, môn học giúp sinh viên đánh giá sự phù hợp của bản thân và nghề nghiệp, hiểu và rèn luyện những tố chất cần thiết để thành công trong nghề nghiệp, đồng thời chọn lựa đúng đắn mục tiêu học tập, cũng như các môn học trong chương trình đào tạo để có được nghề nghiệp phù hợp. Bên cạnh đó, môn học trang bị cho sinh viên những kỹ năng quan trọng để giúp sinh viên học tốt trong môi trường học thuật ở bậc đại học, bao gồm các kỹ năng mềm, cũng như các kỹ năng liên quan đến học thuật và nghiên cứu khoa học, một hoạt động bắt buộc của SV tham gia học tập tại chương trình đào tạo Chất lượng cao của Trường ĐH Mở TPHCM.

Môn học: **Pháp luật đại cương**

Mã môn học: GLAW6301

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Pháp luật đại cương là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học trình bày những khái niệm cơ bản về Nhà nước và pháp luật, bao gồm: Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, chức năng của Nhà nước, kiểu nhà nước, hình thức nhà nước và phân tích cấu trúc của bộ máy Nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam; Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của pháp luật, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, ý thức và thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, và Hình thức pháp luật; Giới thiệu khái quát về hệ thống pháp luật và các ngành luật trong hệ thống Pháp luật của Nhà nước Việt Nam, trình bày những nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật dân sự và Luật Tố tụng dân sự, Luật lao động, Luật Hôn nhân và gia đình, pháp luật Phòng chống tham nhũng.

Môn học: **Lý luận nhà nước và pháp luật**

Mã môn học: BLAW6301

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Lý luận nhà nước và pháp luật là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học này trang bị cho sinh viên những lý thuyết về nguồn gốc, bản chất và kiểu nhà nước; chức năng, hình thức và bộ máy nhà nước; nguồn gốc, bản chất và kiểu pháp luật; chức năng và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; ý thức pháp luật; thực hiện và áp dụng pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

Môn học: **Tin học đại cương**

Mã môn học: COMP6301

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của các ngành, trừ các ngành Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin quản lý.

Môn Tin học đại cương cung cấp cho sinh viên không chuyên các ngành Công nghệ thông tin những kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin đồng thời trang bị các kỹ

năng cơ bản trong sử dụng máy vi tính, sử dụng các phần mềm ứng dụng thông dụng trong văn phòng, có năng lực làm việc độc lập, có đạo đức và trách nhiệm trong sử dụng Công nghệ thông tin.

Sinh viên học và đạt môn Tin học đại cương sẽ đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến hoạt động đánh giá kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin.

Môn học: **Tin học ứng dụng**

Mã môn học: COMP6302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả tóm tắt: Môn học Tin học Ứng dụng trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, hiểu được ý nghĩa và vai trị của cơ sở dữ liệu, kiến thức về cơ sở dữ liệu quan hệ, sử dụng được hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ Microsoft Access mức độ căn bản để tạo cơ sở dữ liệu, truy vấn dữ liệu, tạo giao diện người dùng và tạo báo cáo.

Sinh viên học và đạt môn học Tin học ứng dụng sẽ đạt yêu cầu của Mô đun kỹ năng 10 (Mã IU10: Sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu) theo thông tư số 03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến hoạt động đánh giá kỹ năng sử dụng CNTT.

Môn học: **Nhập môn tin học**

Mã môn học: ITEC6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả tóm tắt: Nhập môn Tin học là môn học đầu tiên của chương trình đào tạo Đại học khối ngành Công nghệ thông tin (CNTT).

Môn học trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quát về ngành học, khái quát về lịch sử phát triển và hình thành của khối ngành CNTT, các kiến thức cơ bản về tin học cơ sở

như: cấu trúc và hoạt động của máy vi tính, biểu diễn dữ liệu trong máy tính, các hệ đếm thông dụng, khái niệm hệ điều hành, mạng máy tính cơ bản.

Môn học cung cấp kiến thức làm nền tảng cho sinh viên sử dụng tốt phần mềm tin học văn phòng (soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, soạn thảo trình diễn). Bên cạnh đó môn học cũng giới thiệu khái quát các nghề nghiệp có liên quan khối ngành CNTT tới sinh viên.

Môn học: **Logic học**

Mã môn học: ACCO6317

Số tín chỉ: 3

Môn học trước:

Mô tả tóm tắt: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Logic học, sự hình thành và phát triển của logic học. Hoàn tất môn học, sinh viên hiểu rõ các quy luật cơ bản và các hình thức của tư duy, giúp sinh viên hình thành tư duy logic, sử dụng từ và câu chính xác trong diễn đạt ý tưởng, đồng thời sinh viên có khả năng suy luận, phán đoán, chứng minh hoặc bác bỏ vấn đề một cách thuyết phục, chặt chẽ và nhất quán.

Môn học: **Tư duy phản biện**

Mã môn học: BLAW6303

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Tư duy phản biện là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương, nhằm giúp sinh viên rèn luyện sự nhạy bén trong việc phát hiện và nhận diện các tình huống có vấn đề, xử lý các thông tin, phân tích, lập luận, tổng hợp, so sánh, đánh giá các tình tiết, giải quyết, ra quyết định về các vấn đề một cách đúng đắn, rõ ràng, chủ động, sáng tạo và hiệu quả. Trên cơ sở này, sinh viên có thể phân biệt đúng sai, tránh những sai lầm, thiếu sót khi học tập, làm việc trong mọi ngành nghề và các lĩnh vực khác nhau. Trong suốt thời gian học tập, sinh viên sẽ vận dụng những khái niệm, nguyên lý, quy tắc và những kỹ năng tư duy, lập luận để giải quyết những vấn đề của bản thân hoặc xã hội quan tâm. Môn học này trình bày các nội dung chính như sau (i) Những khái niệm

về tư duy, (ii) Những hình thức tư duy, (iii) Những quy luật căn bản của tư duy, (iv) Chứng minh – bác bỏ - ngụy biện, (v) Kỹ năng tư duy và lập luận.

Môn học: **Tư duy phản biện (TA)**

Mã môn học: BLAW5302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn học Tư duy phản biện là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương, nhằm giúp sinh viên rèn luyện sự nhạy bén trong việc phát hiện và nhận diện các tình huống có vấn đề, xử lý các thông tin, phân tích, lập luận, tổng hợp, so sánh, đánh giá các tình tiết, giải quyết, ra quyết định về các vấn đề một cách đúng đắn, rõ ràng, chủ động, sáng tạo và hiệu quả. Trên cơ sở này, sinh viên có thể phân biệt đúng sai, tránh những sai lầm, thiếu sót khi học tập, làm việc trong mọi ngành nghề và các lĩnh vực khác nhau. Trong suốt thời gian học tập, sinh viên sẽ vận dụng những khái niệm, nguyên lý, quy tắc và những kỹ năng tư duy, lập luận để giải quyết những vấn đề của bản thân hoặc xã hội quan tâm. Môn học này trình bày các nội dung chính như sau (i) Những khái niệm về tư duy, (ii) Những hình thức tư duy, (iii) Những quy luật căn bản của tư duy, (iv) Chứng minh – bác bỏ - ngụy biện, (v) Kỹ năng tư duy và lập luận.

Môn học: **Logic học (TA)**

Mã môn học: ACCO5328

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Logic học, sự hình thành và phát triển của logic học. Hoàn tất môn học, sinh viên hiểu rõ các quy luật cơ bản và các hình thức của tư duy, giúp sinh viên hình thành tư duy logic, sử dụng từ và câu chính xác trong diễn đạt ý tưởng, đồng thời sinh viên có khả năng suy luận, phán đoán, chứng minh hoặc bác bỏ vấn đề một cách thuyết phục, chặt chẽ và nhất quán.

Môn học: **Con người và môi trường**

Mã môn học: BIOT6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường và các thành phần môi trường, hệ thống pháp luật về quản lý môi trường và đặc biệt là mối quan hệ của con người với môi trường và sự phát triển của người đã tác động đến các thành phần của môi trường như thế nào cũng như là các vấn đề môi trường mà nhân loại đang đối mặt.

Môn học: **Con người và môi trường (TA)**

Mã môn học: BIOT5301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường và các thành phần môi trường, hệ thống pháp luật về quản lý môi trường và đặc biệt là mối quan hệ của con người với môi trường và sự phát triển của người đã tác động đến các thành phần của môi trường như thế nào cũng như là các vấn đề môi trường mà nhân loại đang đối mặt.

Môn học: **Tiếng Trung 1**

Mã môn học: GCHI2301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn tiếng Trung 1 là học phần cơ bản nhất trong 5 học phần của tiếng Trung không chuyên được đưa vào giảng dạy cho sinh viên các khoa. Nội dung của học phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên về hệ thống phiên âm La tinh, tên gọi các bộ thủ, kiến thức về cấu tạo chữ Hán; số lượng từ vựng khoảng 120 từ và một số chủ điểm ngữ pháp sơ cấp, các nội dung trong bài học xoay quanh các chủ đề giao tiếp cơ bản trong cuộc sống, để có nền tảng học lên các cấp A2, B1.

Môn học: **Tiếng Trung 2**

Mã môn học: GCHI2302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn tiếng Trung 2 là môn học tiếp theo tiếng Trung 1, trên cơ sở đã có kiến thức về hệ thống phiên âm Latinh và viết được khoảng 120 từ cơ bản theo quy tắc nét viết. Ở học phần này, người học tiếp tục làm quen và vận dụng được khoảng 120 từ vựng có liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày như mua sắm, mô tả sự vật, đi du lịch v.v... diễn đạt được các ý định trong các tình huống cụ thể hơn, từng bước thực hành 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Là môn điều kiện bắt buộc để học tiếp lên các cấp lớp cao hơn.

Môn học: **Tiếng Trung 3**

Mã môn học: GCHI2303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn tiếng Trung 3 là môn học tiếp theo tiếng Trung 2. Ở cấp độ này, sinh viên sẽ được tiếp nhận thêm khoảng 200 từ vựng để tiếp tục hoàn thiện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết để tạo kiến thức nền tảng và là tiền đề đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Khung tham chiếu B1, tương đương với HSK cấp 3, là cơ sở để học lên trung cấp tiếng Trung Quốc. Ở cấp độ tiếng Trung 3, môn học đã có sự nâng cao về cách sử dụng từ vựng (từ gần nghĩa) và mở rộng kiến thức các chủ điểm ngữ pháp trong từng bài học, giúp sinh viên từng bước diễn đạt được các suy nghĩ, trình bày ý định ở tầng nghĩa phong phú hơn.

Môn học: **Tiếng Trung 4**

Mã môn học: GCHI2304

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn tiếng Trung 4 là môn học tiếp theo tiếng Trung 3. Ở cấp độ này, sinh viên tiếp tục hoàn thiện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết để đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Khung tham chiếu B1, tương đương với HSK cấp 3, là tiền đề để học lên trung cấp tiếng Trung Quốc. Đặc biệt ở cấp độ này, kiến thức từ vựng tương đối nhiều, nên việc sử dụng được các từ vựng mới sẽ là tiêu chí học tập trọng tâm. Tiếp tục tìm hiểu và sử dụng được khoảng 300 từ (trong 600 từ vựng ở cấp độ HSK3), Nghe hiểu và đọc hiểu được các nội dung kiến thức trong phần bài tập; Trình bày được các chủ điểm ngữ

pháp mới; Áp dụng được các kiến thức từ vựng và chủ điểm ngữ pháp vào tình huống thực tế; Sử dụng được một số thành ngữ - tục ngữ có trong bài.

Môn học: **Tiếng Trung 5**

Mã môn học: GCHI2305

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Tiếng Trung 5 là môn học cuối cùng trong 5 cấp độ tiếng Trung ngoại ngữ không chuyên. Tiếp nối tiếng Trung 4, ở cấp độ này, sinh viên tiếp tục làm quen và sử dụng được khoảng 300 từ vựng trong phạm vi 600 từ vựng của HSK 3, áp dụng các chủ điểm ngữ pháp nâng cao để thực hành các tình huống giao tiếp trong cuộc sống và công việc; thông qua các bài tập tiếp tục hoàn thiện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết để đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Khung tham chiếu B1, tương đương với HSK cấp 3, là tiền đề để học lên B2 tiếng Trung Quốc.

Môn học: **Tiếng Nhật 1**

Mã môn học: JAPA2301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn Tiếng Nhật 1 là môn học đầu tiên trong chương trình Ngoại ngữ phụ tiếng Nhật. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản ban đầu của tiếng Nhật như: Cách viết, cách đọc chữ Hiragana, Katakana và những điểm ngữ pháp, mẫu câu cơ bản tiếng Nhật, cách giao tiếp chào hỏi, giới thiệu bản thân, hỏi giờ, ngày tháng, làm quen với trợ từ, danh từ, động từ trong tiếng Nhật... Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học để thực hành, luyện tập nghe nói với giáo viên và giữa sinh viên với nhau từ đó có cơ sở căn bản để học những môn học tiếp theo.

Môn học: **Tiếng Nhật 2**

Mã môn học: JAPA2302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn Tiếng Nhật 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản tiếp theo của tiếng Nhật như học thêm về các trợ từ mới (o, e, de, ga), các loại tính từ trong tiếng Nhật... Học xong học phần này, sinh viên sử dụng được các mẫu câu cho nhận, cách sử dụng các động từ di chuyển, có thể mô tả các hoạt động hoặc mô tính chất của sự vật sự việc, thể hiện cảm xúc của mình bằng tiếng Nhật... Với những phần thực hành đi kèm với lý thuyết, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học để thực hành, luyện tập nghe nói với giáo viên và giữa sinh viên với nhau từ đó có cơ sở căn bản để học những môn học tiếp theo.

Môn học: **Tiếng Nhật 3**

Mã môn học: JAPA2303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn Tiếng Nhật 3 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản tiếp theo của tiếng Nhật như học về số đếm, các mẫu câu so sánh, chia thể Te,... Học xong học phần này, sinh viên có thể đếm số lượng đồ vật, có thể liệt kê các hành động, học các kiến thức nâng cao về các thì của tính từ cùng các mẫu câu quan trọng liên quan đến thể Te. Với những phần thực hành đi kèm với lý thuyết, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học để thực hành, luyện tập nghe nói với giáo viên và giữa sinh viên với nhau từ đó có cơ sở căn bản để học những môn học tiếp theo.

Môn học: **Tiếng Nhật 4**

Mã môn học: JAPA2304

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn Tiếng Nhật 4 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản tiếp theo của tiếng Nhật như các dạng thức của động từ, các cách nói về khả năng, kinh nghiệm của bản thân, những cách nói thông thường người Nhật thường dùng,... Học xong học phần này, sinh viên có thể giao tiếp ở mức độ sơ cấp bằng những mẫu câu phức tạp và thông dụng hơn. Với những phần thực hành đi kèm với lý thuyết, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học để thực hành, luyện tập nghe nói với giáo viên và giữa sinh viên với nhau từ đó có cơ sở căn bản để học những môn học tiếp theo.

Môn học: **Tiếng Nhật 5**

Mã môn học: JAPA2305

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn Tiếng Nhật 5 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản tiếp theo của tiếng Nhật ở trình độ cuối sơ cấp 1 như cấu trúc câu phức, câu tường thuật, cấu trúc thể hiện sự phán đoán, mẫu câu diễn đạt hành động cho – nhận hay cấu trúc câu điều kiện cùng những cách nói thông thường người Nhật thường dùng,... Học xong học phần này, sinh viên có thể giao tiếp ở mức độ sơ cấp bằng những mẫu câu phức tạp và thông dụng hơn. Với những phần thực hành đi kèm với lý thuyết, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học để thực hành, luyện tập nghe nói với giáo viên và giữa sinh viên với nhau từ đó có cơ sở căn bản để học những môn học tiếp theo.

Môn học: **Tiếng Hàn 1**

Mã môn học: KORE2301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ nhất trong 5 học phần của chương trình tiếng Hàn. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nhập môn về tiếng Hàn và văn hoá Hàn Quốc. Theo đó cung cấp từ vựng liên quan đến chủ đề của bài học, những yếu tố ngữ pháp ở trình độ sơ cấp xuất hiện trong bài khoá. Mỗi bài đều có phần luyện tập ứng dụng từ vựng, yếu tố ngữ pháp trong bài nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức đã học. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu thông qua bài khoá hay bài đọc ngắn với nội dung đơn giản có tính ứng dụng cao trong cuộc sống thường nhật.

Môn học: **Tiếng Hàn 2**

Mã môn học: KORE2302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ hai trong 5 học phần của chương trình tiếng Hàn. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Hàn và văn hoá Hàn Quốc. Theo đó cung cấp từ vựng liên quan đến chủ đề của bài học, những yếu tố ngữ

pháp ở trình độ sơ cấp xuất hiện trong bài khoá. Mỗi bài đều có phần luyện tập ứng dụng từ vựng, yếu tố ngữ pháp trong bài nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức đã học. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu thông qua bài khoá hay bài đọc ngắn có tính ứng dụng cao trong cuộc sống thường nhật.

Môn học: **Tiếng Hàn 3**

Mã môn học: KORE2303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ ba trong 5 học phần của chương trình tiếng Hàn. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Hàn và văn hoá Hàn Quốc. Theo đó cung cấp từ vựng liên quan đến chủ đề của bài học, những yếu tố ngữ pháp ở trình độ sơ cấp xuất hiện trong bài khoá. Mỗi bài đều có phần luyện tập ứng dụng từ vựng, yếu tố ngữ pháp trong bài nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức đã học. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu thông qua bài khoá hay bài đọc ngắn có tính ứng dụng cao trong cuộc sống thường nhật.

Môn học: **Tiếng Hàn 4**

Mã môn học: KORE2304

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ tư trong 5 học phần của chương trình tiếng Hàn. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản có nâng cao về tiếng Hàn và văn hoá Hàn Quốc. Theo đó cung cấp từ vựng liên quan đến chủ đề của bài học, những yếu tố ngữ pháp ở trình độ cuối sơ cấp xuất hiện trong bài khoá. Mỗi bài đều có phần luyện tập ứng dụng từ vựng, yếu tố ngữ pháp trong bài nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức đã học. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu thông qua bài khoá hay bài đọc có tính ứng dụng cao trong cuộc sống thường nhật.

Môn học: **Tiếng Hàn 5**

Mã môn học: KORE2305

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần cuối cùng trong 5 học phần của chương trình tiếng Hàn. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản có nâng cao về tiếng Hàn và văn hoá Hàn Quốc. Theo đó cung cấp từ vựng liên quan đến chủ đề của bài học, những yếu tố ngữ pháp ở trình độ sơ cấp và bước đầu trung cấp xuất hiện trong bài khoá. Mỗi bài đều có phần luyện tập ứng dụng từ vựng, yếu tố ngữ pháp trong bài nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức đã học. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu thông qua bài khoá hay bài đọc có tính ứng dụng cao trong cuộc sống thường nhật.

Môn học: **Tiếng Pháp 1**

Mã môn học: FREN2301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn học này bao gồm 10 buổi. Học phần Tiếng Pháp 1 gồm 14 bài đầu của giáo trình Cours de Langue et de Civilisation Tome 1. Môn học này rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nghe giảng và hệ thống hóa thông tin, và giúp sinh viên làm quen với cách phát âm của tiếng Pháp để từ đó có thể tự đọc được từ ngữ tiếng Pháp, biết sử dụng ngữ pháp đã học để làm thành những câu đơn giản. Song song, môn học này còn giúp sinh viên nâng cao nhận thức tự học từ vựng và ngữ pháp tiếng Pháp một cách tự giác và tích cực.

Môn học: **Tiếng Pháp 2**

Mã môn học: FREN2302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn học này bao gồm 10 buổi. Học phần tiếng pháp 2 gồm 4 bài đầu (unités 1, 2, 3 và 4) của sách Café Crème I, giúp sinh viên làm quen với cách phát âm của tiếng Pháp để từ đó có thể tự đọc được từ ngữ tiếng Pháp, biết sử dụng ngữ pháp đã học để làm thành những câu đơn giản. Song song, môn học này còn giúp sinh viên nâng cao nhận thức tự học từ vựng và ngữ pháp tiếng Pháp một cách tự giác và tích

Môn học: **Tiếng Pháp 3**

Mã môn học: FREN2303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn học này bao gồm 10 buổi. Học phần tiếng pháp 3 gồm 4 bài (unités 5, 6, 7 và 8) của sách Café Crème I, giúp sinh viên làm quen với cách phát âm của tiếng Pháp và tiếp cận với một số điểm ngữ pháp để từ đó có thể tự đọc được từ ngữ tiếng Pháp, biết sử dụng ngữ pháp đã học để làm thành những câu đơn giản. Song song, môn học này còn giúp sinh viên nâng cao nhận thức tự học từ vựng và ngữ pháp tiếng Pháp một cách tự giác và tích

Môn học: **Tiếng Pháp**

Mã môn học: FREN2304

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn học này bao gồm 10 buổi. Học phần tiếng pháp 4 gồm 4 bài (unités 9, 10, 11 và 12) của sách Café Crème I, giúp sinh viên làm quen với cách phát âm của tiếng Pháp và tiếp cận với ngữ pháp tiếng Pháp để từ đó có thể tự đọc được từ ngữ tiếng Pháp, biết sử dụng ngữ pháp đã học để làm thành câu. Song song, môn học này còn giúp sinh viên nâng cao nhận thức tự học từ vựng và ngữ pháp tiếng Pháp một cách tự giác và tích

Môn học: **Tiếng Pháp 5**

Mã môn học: FREN2305

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn học này bao gồm 10 buổi. Học phần tiếng pháp 5 gồm 4 bài (unités 13, 14, 15 và 16) của sách Café Crème I, giúp sinh viên làm quen với cách phát âm của tiếng Pháp các điểm ngữ pháp để từ đó có thể tự đọc được từ ngữ tiếng Pháp, biết sử dụng ngữ pháp đã học để làm thành câu. Song song, môn học này còn giúp sinh viên nâng cao nhận thức tự học từ vựng và ngữ pháp tiếng Pháp một cách tự giác và tích cực.

Môn học: **Giáo dục thể chất 1**

Mã môn học: PEDU0201

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục thể chất 1 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học trang bị cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết giúp sinh viên biết sử dụng bài tập thể dục làm phương tiện để rèn luyện nâng cao sức khỏe, khả năng phối hợp vận động và phát huy cái đẹp của cơ thể.

Môn học: **Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**

Mã môn học: PEDU0202

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn bóng chuyền như: Lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ - chiến thuật và các bài tập phát triển thể lực, cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền.

Môn học: **Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**

Mã môn học: PEDU0203

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Giáo dục thể chất 2 – Bóng đá thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học nhằm trang bị và cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn bóng đá: Lịch sử hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ thuật chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, các bài tập phát triển thể lực, bài tập chiến thuật trong thi đấu bóng đá.

Môn học: **Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**

Mã môn học: PEDU0204

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học nhằm trang bị và cung cấp kiến thức cơ bản của môn cầu lông. Giới thiệu lịch sử hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ thuật chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, các bài tập phát triển thể lực, bài tập chiến thuật trong thi đấu cầu lông.

Môn học: **Giáo dục thể chất 2 - Võ thuật**

Mã môn học: PEDU0205

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học giáo dục thể chất 02 – Võ thuật thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về võ thuật, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe đồng thời trang bị cho những kỹ năng, kỹ thuật Võ tự vệ gắn liền với cuộc sống hàng ngày.

Môn học: **Giáo dục thể chất 2 - Bóng bàn**

Mã môn học: PEDU0206

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học giáo dục thể chất 2 – Bóng bàn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn bóng bàn như: Lịch sử hình thành và phát triển môn bóng bàn, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ - chiến thuật và các bài tập phát triển thể lực, cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng bàn.

Môn học: **Giáo dục thể chất 2 - Bơi lội**

Mã môn học: PEDU0207

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục thể chất 2 – Bơi lội thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học trang bị cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng và thái độ cần thiết, giúp sinh viên hiểu biết về ý nghĩa

tác dụng của việc tập luyện Bơi lội, các bài tập kỹ thuật bơi ếch và cách sử dụng có hiệu quả các bài tập đó trong cuộc sống nhằm nâng cao sức khoẻ và đề phòng tai nạn trong môi trường nước.

Môn học: Giáo dục thể chất 2 - Bóng rổ

Mã môn học: PEDU0208

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Giáo dục thể chất 2 – Bóng rổ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học nhằm trang bị và cung cấp kiến thức cơ bản của môn bóng rổ. Giới thiệu lịch sử hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ thuật chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, các bài tập phát triển thể lực, bài tập chiến thuật trong thi đấu bóng rổ.

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã môn học: DEDU0301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong 04 môn học thuộc Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, những kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay.

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh: Công tác quốc phòng và an ninh

Mã môn học: DEDU0202

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh: Công tác quốc phòng và an ninh là một trong 04 môn học thuộc Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức chính sách pháp luật nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

Môn học: **Giáo dục quốc phòng và an ninh: Quân sự chung**

Mã môn học: DEDU0103

Số tín chỉ: 1

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh: Quân sự chung là một trong 04 môn học thuộc chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quân sự chung trong quân đội nhân dân Việt Nam.

Môn học: **Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật**

Mã môn học: DEDU0204

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một trong 04 môn học thuộc chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác.

Môn học: **Ngữ pháp**

Mã môn học: ENGL5301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Ngữ pháp là môn học có đối tượng người học đã có một nền tảng kiến thức cơ bản về từ vựng và ngữ pháp tiếng Anh. Môn học hệ thống kiến thức cơ bản và cung cấp những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh nâng cao nhằm chuẩn bị cho kỳ thi năng lực đầu ra.

Môn học: **Đọc - Viết 1**

Mã môn học: ENGL5302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn học Đọc - Viết 1 là môn thực hành kỹ năng đọc và viết đầu tiên trong bốn cấp độ đọc viết của khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân hệ đại học. Môn học cung cấp cho người học các kỹ năng tự học và tư duy phản biện giúp người học biết cách dự đoán nội dung, phân biệt thông tin chính và phụ và tóm tắt nội dung trong các bài khóa. Người học cũng sẽ biết cách phân tích, tổng hợp, ứng dụng kiến thức và thể hiện ý kiến qua các bài viết liên quan tới các chủ đề như gây ấn tượng ban đầu, cách viết đoạn văn miêu tả ẩm thực, viết về bí quyết của thành công, về công nghệ số và tinh thần trách nhiệm. Kiến thức và kỹ năng trong môn học này, cùng với môn Đọc Viết 2, nhằm giúp người học chuẩn bị cho kì thi chuẩn năng lực ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Môn học: **Đọc - Viết 2**

Mã môn học: ENGL5303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn học Đọc - Viết 2 là môn thực hành kỹ năng đọc và viết thứ hai trong bốn cấp độ đọc viết của khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân hệ đại học. Môn học cung cấp cho người học các kỹ năng tự học và tư duy phản biện giúp người học biết cách dự đoán nội dung, phân biệt thông tin chính và phụ và tóm tắt nội dung trong các bài khóa. Người học cũng sẽ biết cách phân tích, tổng hợp, ứng dụng kiến thức và thể hiện ý kiến qua các bài viết liên quan tới các chủ đề như quảng cáo, các mối nguy cơ, kiến tạo thành phố tương lai, tài chính và các phương tiện truyền thông giao tiếp. Kiến thức và kỹ năng trong môn học này giúp người học chuẩn bị cho kì thi chuẩn

năng lực ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Môn học: **Đọc - Viết 3**

Mã môn học: ENGL5304

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Người học sẽ biết cách phân biệt các kỹ năng đọc khác nhau như: đọc hiểu ý chính, đọc hiểu thông tin đặc biệt, đọc hiểu ý hiểu chi tiết, đọc hiểu cấu trúc của các loại văn bản khác nhau, đọc và suy diễn xem tiêu đề chính và tiêu đề phụ trước khi đọc để dự đoán nội dung chính, đọc và phân biệt lại quan điểm hoặc ý kiến của tác giả trong bài đọc về các chủ đề giáo dục và xã hội, sự trưởng thành, sức khỏe và nghệ thuật. Người học cũng biết cách sử dụng từ điển đơn ngữ để tra từ. Kiến thức và kỹ năng trong môn học này, cùng với các môn Đọc Viết 1, 2 giúp người học chuẩn bị cho kì thi chuẩn năng lực ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Môn học: **Đọc – Viết 4**

Mã môn học: ENGL5305

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn học Đọc Viết 4 là môn thực hành kỹ năng đọc và viết cuối cùng trong bốn cấp độ đọc viết của khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân hệ đại học. Môn học cung cấp cho người học các kỹ năng tự học và tư duy phản biện giúp người học biết cách dự đoán nội dung, phân biệt thông tin chính và phụ và tóm tắt nội dung trong các bài khóa. Người học cũng sẽ biết cách phân tích, tổng hợp, ứng dụng kiến thức và thể hiện ý kiến qua các bài viết liên quan tới các chủ đề như tác động của khoa học lên thức ăn, trường học cung cấp gì cho công việc tương lai của học sinh, các khám phá, con người và mối liên hệ với tự nhiên, video games có lợi và hại như thế nào cho trẻ em. Kiến thức và kỹ năng trong môn học này, cùng với các môn Đọc Viết 1, 2, 3 giúp người học chuẩn bị cho kì thi chuẩn ngoại ngữ đạt trình độ bậc 4 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Môn học: **Độc hiểu nâng cao**

Mã môn học: ENGL5306

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết: Không có

Mô tả tóm tắt: Môn học Độc hiểu nâng cao là môn thực hành kỹ năng đọc cuối cùng được thực hiện sau bốn cấp độ đọc viết của khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân hệ đại học. Môn học cung cấp cho người học các kỹ năng đọc hiểu như đọc nhanh nắm bắt ý chính, đọc lướt tìm tiểu tiết, đoán nghĩa của từ mới, xác định được ý nghĩa hàm ẩn của văn bản, mục đích và quan điểm của tác giả. Người học biết vận dụng nội dung bài học để đưa ra hướng giải quyết vấn đề cụ thể về các chủ đề như việc sử dụng Internet, công việc và sự thư nhàn, sự hợp tác giữa các nước trên thế giới, ngôn ngữ, việc sử dụng không gian chung, tư duy sáng tạo, sự thay đổi bản thân, cách tạo năng lượng cho cơ thể, diện tích và tầm của quốc gia.... Kiến thức và kỹ năng trong môn học này, cùng với các môn Đọc Viết 1, 2, 3,4 giúp người học chuẩn bị cho kì thi chuẩn năng lực ngoại ngữ đạt trình độ bậc 4 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Trong khóa học này, sinh viên không chỉ phát triển kỹ năng đọc hiểu mà còn rèn luyện kỹ năng mềm như khả năng tự học, tương tác với thông điệp của tác giả và với các sinh viên khác. Môn học này giúp sinh viên hình thành thái độ học tập nghiêm túc, nhiệt tình, hợp tác và yêu thích đọc sách. Sinh viên có nhận thức đúng về vai trò của môn Độc hiểu đối với các kỹ năng nghe, nói và viết.

Môn học: **Viết học thuật**

Mã môn học: ENGL5307

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Viết học thuật là môn học kỹ năng ngôn ngữ nâng cao được học vào học kỳ 6 năm thứ 2 của chương trình Đại học. Mục đích của môn học nhằm luyện tập kỹ năng viết một bài viết nghiên cứu bằng tiếng Anh. Nội dung môn học bao gồm kỹ thuật chọn chủ đề nghiên cứu, tìm tài liệu tham khảo, lập dàn ý, trích dẫn tài liệu tham khảo, và kỹ thuật viết.

Môn học: **Nghe - Nói 1**

Mã môn học: ENGL5308

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Nghe - Nói 1 là môn kỹ năng thuộc chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh bậc đại học và cũng là cấp độ thứ hai trong 6 cấp độ Nói của chương trình, được học vào học kỳ 1 của năm 1 đối với hệ đào tạo chính quy. Ở môn Nghe Nói 2, sinh viên có thể giao tiếp bằng ngôn ngữ nói ở trình độ tương đương trung cấp (Intermediate). Môn học giới thiệu đến người học các chủ đề giao tiếp về các chủ đề học thuật và khoa học ở cấp độ trung cấp về quảng cáo (Advertising), nguy cơ (Risks), thành phố (Cities), tiền bạc (Money), và giữ liên lạc (Keeping in touch). Trình độ sinh viên sau khi hoàn thành môn học sẽ tương đương Bậc 2-3 theo khung ngoại ngữ sáu bậc của Châu Âu.

Môn học: **Nghe - Nói 2**

Mã môn học: ENGL5309

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Nghe - Nói 2 là môn kỹ năng thuộc chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh bậc đại học và cũng là cấp độ thứ hai trong 6 cấp độ Nói của chương trình, được học vào học kỳ 2 của năm 1 đối với hệ đào tạo chính quy. Ở môn Nghe - Nói 2, sinh viên có thể giao tiếp bằng ngôn ngữ nói ở trình độ tương đương trung cấp (Intermediate).

Môn học giới thiệu đến người học các chủ đề giao tiếp về các chủ đề học thuật và khoa học ở cấp độ trung cấp như về quảng cáo (Advertising), nguy cơ (Risks), thành phố (Cities), tiền bạc (Money), và giữ liên lạc (Keeping in touch). Trình độ sinh viên sau khi hoàn thành môn học sẽ tương đương Bậc 3 theo khung ngoại ngữ sáu bậc của Châu Âu.

Môn học: **Nghe - Nói 3**

Mã môn học: ENGL5310

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Nghe - Nói 3 là môn kỹ năng thuộc chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh bậc đại học và cũng là cấp độ thứ 3 trong 6 cấp độ Nói của chương trình, được

học vào học kỳ 3 của năm 1 đối với hệ đào tạo chính quy. Ở môn Nghe - Nói 3, sinh viên có thể nghe hiểu và giao tiếp bằng ngôn ngữ nói ở trình độ tương đương trung cao cấp (Upper-Intermediate). Môn học giới thiệu đến người học các vấn đề học thuật về xã hội và khoa học ở cấp độ trung cao cấp bao gồm các chủ đề liên quan đến mối quan hệ giữa quyền lực và trách nhiệm (Power and responsibility), những tác động của yếu tố ngoại hình đến sự thăng tiến trong công việc (Appearances), những vấn đề liên quan đến giáo dục như tìm hiểu về quá trình trưởng thành của trẻ (Growing up), đề cập đến những điểm thuận lợi và bất lợi của ngành công nghiệp du lịch y học (Healthcare) và tìm hiểu chủ đề về các tác phẩm nghệ thuật (Art today). Trình độ sinh viên sau khi hoàn thành môn học sẽ tương đương Bậc 4 theo khung ngoại ngữ sáu bậc của Châu Âu.

Môn học: Nghe - Nói 4

Mã môn học: ENGL5311

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Nghe - Nói 4 là môn kỹ năng thuộc chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh bậc đại học và cũng là cấp độ thứ bốn trong 6 cấp độ Nói của chương trình, được học vào học kỳ 1 của năm 2 đối với hệ đào tạo chính quy. Ở môn Nghe - Nói 4, sinh viên có thể giao tiếp bằng ngôn ngữ nói ở trình độ tương đương trung cao cấp (Upper-Intermediate). Môn học giới thiệu đến người học các chủ đề giao tiếp về các chủ đề học thuật và khoa học ở cấp độ trung cao cấp về thức ăn (The science of food), những trải nghiệm khi thay đổi từ môi trường trường học đến môi trường công sở (From school to work), những khám phá mới trong cuộc sống (Discovery), mối quan hệ giữa con người và tự nhiên (Human and Nature) và những hoạt động vui chơi của trẻ em (Child's play). Trình độ sinh viên sau khi hoàn thành môn học sẽ tương đương Bậc 4 theo khung ngoại ngữ sáu bậc của Châu Âu.

Môn học: Nghe - Nói 5

Mã môn học: ENGL5312

Số tín chỉ:3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Nghe – Nói 5 là môn kỹ năng thuộc chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh bậc đại học và cũng là cấp độ thứ 5 trong 6 cấp độ Nghe – Nói của chương trình, được học vào học kỳ 2 của năm 2 đối với hệ đào tạo chính quy và từ xa. Ở môn Nghe Nói 5, sinh viên có thể giao tiếp bằng ngôn ngữ nói ở trình độ cao cấp (Advanced). Môn học giới thiệu đến người học các chủ đề nghe và nói ở trình độ học thuật và khoa học cao cấp như là Phương tiện truyền thông mới (New media), Ngôn ngữ (Language), Làm việc và vui chơi (Work and Fun), Sự đánh lừa (Deception) và Hợp tác toàn cầu (Global Cooperation). Trình độ sinh viên sau khi hoàn thành môn học sẽ tương đương giữa bậc 4 và bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc áp dụng tại Việt Nam (tương đương cấp độ B2 và C1 theo Khung Quy chiếu Châu Âu CEFR).

Môn học: **Nghe - Nói 6**

Mã môn học: ENGL5313

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Nghe – Nói 6 là môn kỹ năng thuộc chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh bậc đại học và cũng là cấp cuối trong 6 cấp độ Nghe – Nói của chương trình, được học vào học kỳ 3 của năm 2 đối với hệ đào tạo chính quy và từ xa. Ở môn Nghe Nói 6, sinh viên có thể giao tiếp bằng ngôn ngữ nói ở trình độ cao cấp (Advanced). Môn học giới thiệu đến người học các chủ đề nghe và nói ở trình độ học thuật và khoa học cao cấp như là Không gian riêng (Personal Space), tư duy mới đa chiều (Alternative thinking), sự thay đổi (Change), năng lượng (Energy) và Kích thước và thang đo (Size and scale). Trình độ sinh viên sau khi hoàn thành môn học sẽ tương đương Bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc áp dụng tại Việt Nam (tương đương Bậc C1 theo Khung Quy chiếu Châu Âu CEFR).

Môn học: **Luyện phát âm**

Mã môn học: ENGL5314

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Luyện phát âm là môn kỹ năng cơ bản, được học vào học kỳ 1 của năm nhất, nhằm giúp sinh viên trau dồi và hoàn chỉnh phát âm tiếng Anh để hỗ trợ cho kỹ

năng Nghe Nói. Môn học trình bày hệ thống nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh, nhóm phụ âm (consonant clusters), các kiến thức cơ bản về âm tiết (syllables), dấu nhấn (stress) và ngữ điệu (intonation), mối quan hệ giữa âm và ngữ pháp, sự khác nhau giữa âm và chính tả.

Môn học: Luyện dịch 1

Mã môn học: ENGL5315

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Luyện dịch 1 là môn học đầu tiên trong ba cấp luyện dịch căn bản gồm Luyện dịch 1 và 2. Môn học này giúp sinh viên làm quen với kỹ năng dịch thuật, củng cố vốn ngữ pháp cần thiết và trang bị cho sinh viên một số nguyên tắc cơ bản về dịch thuật ở cấp độ từ câu đến cấp độ văn bản. Sinh viên được áp dụng lý thuyết vào các bài tập thực hành biên dịch văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt tạo cho sinh viên khả năng biên dịch hiệu quả các văn bản thuộc nhiều thể loại khác nhau theo chủ đề giáo dục, công nghệ và văn hóa đời sống.

Môn học: Luyện dịch 2

Mã môn học: ENGL5316

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Luyện dịch 2 nhằm tiếp tục nâng cao kỹ năng dịch thuật của sinh viên. Sau khi các em đã học qua hai cấp luyện dịch 1, sinh viên sẽ được trang bị nền tảng cơ bản về kiến thức, kỹ năng dịch thuật để tiếp tục theo học các môn về biên-phiên dịch, trong trường hợp các em chọn ngành học Biên-Phiên dịch Thương mại và Du lịch sau khi hoàn tất giai đoạn đại cương. Ngoài ra sinh viên ngành Tiếng Anh Thương mại cũng được yêu cầu học môn học này. Luyện dịch 2 sẽ trang bị cho các em một vốn từ đáng kể về một số chủ đề, nâng cao thêm một bước đối với khả năng hiểu (comprehension) của các em đối với ngôn ngữ nguồn (source language) (tiếng Việt hoặc tiếng Anh), và giúp các em biết diễn đạt điều mình hiểu đó sang ngôn ngữ đích (target language).

Môn học: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Mã môn học: EDUC5201

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Phương pháp Nghiên cứu khoa học là môn học bắt buộc dành cho các sinh viên Khoa Ngoại Ngữ thuộc các chuyên ngành Giảng dạy, Thương mại và Biên phiên dịch. Môn học nhằm giúp người học phát triển kiến thức và kỹ năng thực hiện nghiên cứu, viết học thuật và tư duy phản biện. Người học có khả năng thực hiện một dự án nghiên cứu quy mô nhỏ sử dụng các phiếu khảo sát và kỹ thuật phỏng vấn để thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận kết quả và trình bày ý nghĩa thực tiễn của kết quả.

Môn học: Ngữ âm – Âm vị học

Mã môn học: ENGL5201

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Ngữ âm – Âm vị học là môn học cơ bản về lý thuyết phát âm, là một môn bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngôn ngữ chuyên ngành tiếng Anh gồm Ngữ âm – Âm vị, Cú pháp – Hình thái, và Ngữ nghĩa – Ngữ dụng học. Môn học cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về hệ thống ngữ âm, âm vị tiếng Anh. Sinh viên có khả năng áp dụng lý thuyết về hệ thống âm trong thực hành nói và giảng dạy ngôn ngữ.

Môn học: Cú pháp – Hình thái học

Mã môn học: ENGL5202

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Cú pháp – Hình thái học là một trong những môn học cơ bản bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngôn ngữ chuyên ngành tiếng Anh gồm Ngữ Âm – Âm vị, Cú pháp – Hình thái, và Ngữ nghĩa – Ngữ dụng học. Môn học cung cấp kiến thức về Hình vị, các loại hình vị, các đặc tính của hình vị, các phương pháp tạo từ mới, các loại từ, cụm từ, mệnh đề, câu; các chức năng ngữ pháp của các đơn vị trong câu, mối quan hệ giữa các đơn vị trong câu, các vị trí mà các cụm từ có thể nắm giữ; các mẫu câu cơ bản; nhờ đó đọc hiểu, viết, sử dụng tiếng Anh hiệu quả hơn trong học tập, công việc.

Môn học: Ngữ nghĩa – Ngữ dụng học

Mã môn học: ENGL5203

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Ngữ nghĩa – Ngữ dụng học là một trong những môn học cơ bản bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngôn ngữ chuyên ngành tiếng Anh gồm Ngữ âm – Âm vị học, Cú pháp – Hình thái học, và Ngữ nghĩa – Ngữ dụng học. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về ngữ nghĩa và ngữ dụng học, ứng dụng trong giao tiếp.

Môn học: **Văn hóa Anh - Mỹ**

Mã môn học: ENGL5317

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Văn hóa Anh - Mỹ là môn học thuộc khối kiến thức ngành, được học vào học kì đầu của năm 3 đối với hệ đào tạo chính quy và từ xa. Sinh viên học môn này đã học qua các lớp kỹ năng viết, đọc hiểu và đã có thể tự đọc giáo trình để tự học ở nhà trước khi đến lớp. Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về đất nước con người, địa lý, lịch sử, văn hóa, hệ thống chính trị, tôn giáo, kinh tế, xã hội và giáo dục của hai quốc gia Anh và Mỹ. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có kỹ năng đọc hiểu, phân tích, nghiên cứu các vấn đề văn hóa, xã hội Anh-Mỹ và so sánh, liên hệ với văn hóa Việt Nam.

Môn học: **Văn học Anh**

Mã môn học: ENGL5204

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Văn học Anh là một trong các môn học thuộc khối kiến thức chuyên dành cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Môn học này thường được tổ chức giảng dạy vào học kỳ 7 hoặc 8 trong chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh. Sinh viên có thể chọn môn Văn học Anh hoặc Văn học Mỹ, hoặc cả hai môn đối với chuyên ngành Phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Trước khi học môn này, sinh viên phải học các môn như Đọc – Viết 1, Đọc – Viết 2, Đọc – Viết 3.

Môn học: **Văn học Mỹ**

Mã môn học: ENGL5205

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Văn học Mỹ là một trong các môn học thuộc khối kiến thức chuyên dành cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Môn học này thường được tổ chức giảng dạy vào học kỳ 7 hoặc 8 trong chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh. Sinh viên có thể chọn môn Văn học Anh hoặc Văn học Mỹ, hoặc cả hai môn đối với chuyên ngành Phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Trước khi học môn này, sinh viên phải học các môn như Đọc – Viết 1, Đọc – Viết 2, Đọc – Viết 3.

Môn học: **Quản trị học**

Mã môn học: ENGL5318

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Quản trị học là môn chuyên ngành, (được học vào HK 9) nhằm giúp cho sinh viên nắm vững các kiến thức nền, các nguyên lý, khái niệm cơ bản trong quản trị học nói chung, giúp sinh viên tự tin hơn và phát huy các kỹ năng cứng và mềm cần thiết để thích ứng với môi trường làm việc năng động hiện đại trong thế kỷ 21....Sinh viên có thể tìm thấy được tiềm năng và mức độ phù hợp để định hướng tốt hơn trong quá trình thực tập và làm việc sau khi tốt nghiệp, thông qua các chủ đề cụ thể sau: quá trình hình thành và phát triển của quan niệm quản trị học hiện đại; các cấp độ quản trị; đặc điểm, vai trò, chức năng, các công việc mà các nhà quản trị phải thực hiện; sự khác biệt và bổ sung cho nhau giữa leadership và management; các kỹ năng cần thiết: quản lý thời gian, ra quyết định, đặt mục tiêu, động viên nhân viên, sắp xếp tổ chức công việc; quản lý chiến lược, xu hướng và yêu cầu đối với một nhà quản trị trong thời đại mới ...

Môn học: **Marketing căn bản**

Mã môn học: ENGL5319

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học này trang bị những kiến thức căn bản về Marketing, nên chủ yếu là giới thiệu các khái niệm, các lĩnh vực hoạt động marketing để sinh viên có kiến thức nền, các thuật ngữ chuyên sâu bằng tiếng anh, và cách áp dụng trong thực tế,

đọc được các báo cáo chuyên ngành marketing từ đó có thể có động lực nghiên cứu chuyên sâu trong học tập và công việc, trong môi trường kinh doanh. Sinh viên có thể tìm thấy được tiềm năng và mức độ phù hợp để định hướng tốt hơn trong quá trình thực tập và làm việc sau khi tốt nghiệp, thông qua các chủ đề cụ thể sau:

Hiểu rõ Marketing là gì và vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh, các quan điểm khác nhau về Marketing, môi trường marketing, giá trị mang lại cho khách hàng, giá trị mà doanh nghiệp thu được, biết sự liên quan của marketing với các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ trong doanh nghiệp, chiến lược marketing và chiến lược kinh doanh ... Hiểu được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Biết cách xác định thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng, của doanh nghiệp và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Giải thích được chiến lược marketing và tiến trình hoạch định chiến lược marketing. Định tên các công cụ hỗ trợ phân tích thông tin marketing, cách áp dụng tương ứng trong marketing plan thực tế. Sau khi hiểu rõ bản chất của Marketing mix 4 Ps, sinh viên có thể tự viết được một marketing plan ở cấp độ cơ bản.

Môn học: Nguyên lý kế toán

Mã môn học: ENGL5320

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Nguyên lý kế toán trang bị nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán như: khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc kế toán và xử lý các nghiệp vụ kinh tế trong kế toán tài chính, qua đó sinh viên sẽ đọc và hiểu được thông tin kế toán, ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và lập được báo cáo tài chính của doanh nghiệp ở mức độ cơ bản. Cùng với các môn học về quản trị, kinh tế học và ngân hàng, môn học này sẽ giúp sinh viên nâng cao khả năng sử dụng thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành.

Môn học: Kinh tế Vi mô

Mã môn học: ENGL5321

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Kinh tế học vi mô là một môn học chuyên ngành cho sinh viên ngôn ngữ Anh, chuyên về thương mại. Khóa học này giúp sinh viên nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng, ví dụ như trạng thái cân bằng trong nền kinh tế thị trường, lý thuyết cung cầu, độ co giãn, hành vi và quyết định của người tiêu dùng, các hành vi của các doanh nghiệp và các quyết định của họ về mặt sản xuất cũng như tác động của các cấu trúc thị trường khác nhau đến hành vi của các doanh nghiệp. Môn học giúp cho học viên có những kiến thức nền tảng và bổ sung về các góc nhìn tổng quan trong nền kinh tế. từ đó có thêm kiến thức về từ vựng và cách sử dụng ngôn từ, các kỹ năng, thái độ cần thiết khi tiếp cận môn học và có kiến thức vững chắc để tạo tiền đề phát triển năng lực cá nhân về mặt kết hợp khả năng ngôn ngữ và xử lý các tình huống kinh tế trên thực tế hiện tại và tương lai. Cùng với các môn học cơ sở tiếng Anh chuyên ngành khác như Marketing, Management Principle, sinh viên sẽ tự tin hơn và dám dân thân, nâng tinh thần chủ động, tự học và tự nghiên cứu trong học tập thành công hơn trong mọi lĩnh vực của cuộc sống.

Môn học: **Quan hệ công chúng**

Mã môn học: ENGL5322

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Quan hệ công chúng (Public Relations) là môn học chuyên sâu cho sinh viên chuyên ngành Marketing hay Kinh doanh quốc tế (giảng bằng tiếng Anh) và chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Môn học này giúp sinh viên hiểu rõ PR là gì, phân biệt được truyền thông nội bộ (Internal PR) và truyền thông với cộng đồng bên ngoài (external PR), vai trò của nó trong hoạt động của doanh nghiệp; Quy trình hoạch định chương trình PR, các công cụ thực thi chính của PR, đánh giá hiệu quả chương trình PR và làm thế nào xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với công chúng, bao gồm nhà đầu tư, cổ đông, chính phủ, chính quyền địa phương, chính khách, cộng đồng, khách hàng, nhà cung cấp, báo giới, đối tác và nhân viên. Môn học còn giúp cho sinh viên hiểu khủng hoảng gây tác hại như thế nào đối với danh tiếng của tổ chức/doanh nghiệp, làm thế nào để quản lý và vượt qua khủng hoảng. Môn học còn giúp sinh viên hiểu các công việc liên quan đến PR, các yêu cầu về năng lực, tính cách, các kỹ năng cần có, từ đó sinh

viên có thể khám phá được sự phù hợp, cá tính, điểm mạnh và điểm yếu của bản thân và nâng cao khả năng ứng xử với các cá nhân, tổ chức trong cộng đồng và xã hội.

Môn học: Nghiệp vụ văn phòng

Mã môn học: ENGL5323

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ văn phòng là một môn học nhiệm ý với mục tiêu hướng sinh viên hiểu rõ về tiếng Anh sử dụng trong bối cảnh văn phòng. Bên cạnh đó, môn học có mối quan hệ hỗ trợ cho các môn học chuyên ngành khác như Biên – Phiên dịch – Thương mại – Du lịch được giảng dạy trong chương trình đào tạo tại khoa Ngoại Ngữ.

Mô tả tóm tắt: Nghiệp vụ văn phòng là một môn học nhiệm ý với mục tiêu hướng sinh viên hiểu rõ về tiếng Anh sử dụng trong bối cảnh văn phòng. Bên cạnh đó, môn học có mối quan hệ hỗ trợ cho các môn học chuyên ngành khác như Biên – Phiên dịch – Thương mại – Du lịch được giảng dạy trong chương trình đào tạo tại khoa Ngoại Ngữ.

Môn học: Tiền tệ ngân hàng

Mã môn học: ENGL5324

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Học phần này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về tiền tệ và ngân hàng: bản chất, chức năng của tiền tệ; mối quan hệ giữa ngân hàng trung ương và hệ thống ngân hàng thương mại; thị trường tài chính – tiền tệ; các vấn đề cơ bản về tài chính quốc tế.

Môn học: Nghiệp vụ giao dịch ngân hàng

Mã môn học: ENGL5206

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học này cung cấp cho sinh viên những khái niệm, thuật ngữ, từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Ngân hàng. Môn học này trang bị những kiến thức về các hoạt động của ngân hàng thông qua các bài học tiếng Anh. Sau khi hoàn tất khoá học,

sinh viên có thể hiểu và ứng dụng giao tiếp trong môi trường làm việc ở các cơ quan chuyên về tài chính-ngân hàng.

Môn học: **Thanh toán quốc tế**

Mã môn học: ENGL5207

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học này giúp sinh viên có khả năng đọc, hiểu và biên phiên dịch với loại các văn bản kinh tế, thương mại và xuất nhập khẩu (biểu mẫu, hợp đồng mua bán, lệnh) bằng tiếng Anh và Việt.

Môn học: **Nghiệp vụ ngoại thương**

Mã môn học: ENGL5208

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học này giúp cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản về kinh tế, thương mại, xuất nhập khẩu, tổng quan kiến thức các hợp đồng liên quan đến xuất nhập khẩu, kỹ năng giao dịch, soạn thảo, tổ chức thực hiện hợp đồng theo các điều khoản thương mại quốc tế, đọc hiểu và biên phiên dịch với loại các văn bản kinh tế, thương mại và xuất nhập khẩu (biểu mẫu, hợp đồng mua bán, lệnh) bằng tiếng Anh và Việt.

Môn học: **Đàm phán trong kinh doanh**

Mã môn học: ENGL5209

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đàm phán trong kinh doanh là một trong những môn học tự chọn thuộc nhóm kiến thức bổ trợ chuyên ngành Tiếng Anh Thương Mại. Đàm phán là một trong những kỹ năng quan trọng trong kỹ năng giao tiếp. Trên thực tế chúng ta thực hiện rất nhiều cuộc đàm phán thương lượng trong học tập, công việc và trong cuộc sống thường nhật mà đôi khi chúng ta không nhận ra. Đàm phán trong kinh doanh là quá trình bàn bạc, thỏa thuận giữa các bên một cách tự nguyện, trong đó các bên điều chỉnh đề xuất

tiêu chí, nguyện vọng của cá nhân hay của tổ chức mình để có thể đạt được mục tiêu mong muốn.

Môn học: **Giao tiếp trong kinh doanh**

Mã môn học: ENGL5210

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Giao tiếp nói chung và giao tiếp trong kinh doanh nói riêng là một phần quan trọng không thể thiếu, và có ý nghĩa rất lớn đối với những người trưởng thành, có những tương tác xã hội nhất định. Xuất phát từ thực tế đó, khóa học giao tiếp trong kinh doanh được thiết kế như một khóa học bổ trợ cho chuyên ngành anh văn thương mại của sinh viên khoa ngôn ngữ anh. Môn này có mối quan hệ chặt chẽ với các môn chuyên ngành khác (Nghệ thuật văn phòng, Marketing) và có tác dụng hỗ trợ qua lại cho các môn chuyên ngành bổ trợ khác (Anh ngữ kinh doanh, Anh ngữ nhân dụng, Đàm phán trong kinh doanh, Quan hệ công chúng...). Được soạn thảo từ góc nhìn ngôn ngữ và chia sẻ kinh nghiệm thực tế, khóa học sẽ tập trung vào các vấn đề thực tế như sau: Các thuật ngữ, các câu từ, cấu trúc, tác phong, lễ thói, văn phong trong tất cả các hình thức giao tiếp thương mại, Các lỗi về ngữ pháp, từ vựng có thể gặp phải khi giao tiếp và cách khắc phục, Các đặc điểm, tính chất, ý nghĩa, tầm quan trọng, ảnh hưởng của việc giao tiếp hiệu quả và không hiệu quả trong kinh doanh, môi trường làm việc, Các loại hình, kênh giao tiếp hiệu quả, Cách phân tích đối tượng tiếp nhận thông tin và các lựa chọn kênh truyền tải thông tin đến người nghe, người nhận, Các hình thức giao tiếp bằng văn bản, bằng lời, bằng cử chỉ cơ thể. Kỹ thuật lắng nghe, điều chỉnh tông giọng, thần thái, thái độ để thích ứng được tốt hơn trong môi trường làm việc đa tính cách, đa văn hóa, lối sống.... để từ đó nâng cao kỹ năng giao tiếp và cách nhìn nhận, khả năng lựa chọn đúng thời điểm thời gian, không gian để bắt đầu giao tiếp và giao tiếp có hiệu quả, tận dụng tối đa những lợi ích mà giao tiếp đem lại trong cuộc sống và công việc, Các cách làm việc đội nhóm hiệu quả. Các điều chỉnh, thao tác các kỹ năng nói và viết, cử chỉ điệu bộ khi làm việc nhóm để động viên, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc tập thể. Các phương pháp để làm phối hợp hợp tác khéo léo, nâng cao vị thế trong đội nhóm....., Cách điều phối cuộc họp, kỹ năng thuyết trình, các loại văn bản cần chuẩn bị và cách lưu trữ hồ sơ.

Môn học: **Anh ngữ du lịch**

Mã môn học: ENGL5211

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực du lịch, đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết của các nghiệp vụ trong ngành du lịch. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị các kiến thức cơ bản về các quy trình xử lý công việc, các kỹ năng giải quyết những vấn đề phát sinh trong công việc của một công ty du lịch.

Môn học: **Anh ngữ kinh doanh**

Mã môn học: ENGL5212

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực kinh doanh, và những lĩnh vực có liên quan đến quản trị, sản xuất, tiếp thị, tài chính..., đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về kinh thương, nhằm giúp sinh viên định hướng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị các kiến thức cơ bản về các quy trình xử lý công việc, các kỹ năng giải quyết những vấn đề phát sinh trong công việc của một công ty kinh doanh.

Môn học: **Anh ngữ nhân dụng**

Mã môn học: ENGL5213

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Cung cấp tiếng Anh chuyên ngành và trang bị kiến thức cơ bản về kỹ năng xin việc để sinh viên ngành tiếng Anh có thể làm tìm việc hiệu quả và tự tin. Trọng tâm môn học hướng tới việc cung cấp kiến thức, nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ Nghe - Nói - Đọc - Viết thông qua những tình huống tìm hiểu thông tin nghề nghiệp, chuẩn bị hồ sơ xin việc, phỏng vấn thực tế.

Môn học: **Kỹ năng thuyết trình**

Mã môn học: ENGL5214

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Kỹ năng thuyết trình là một môn kỹ năng trong phần kiến thức cơ sở dành cho chuyên ngành Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, thường được giảng dạy cho sinh viên (SV) vào học kì 1 của năm 3 khi sinh viên đã chọn chuyên ngành. Trong môn học này, SV được hướng dẫn cách chọn và phát triển các đề tài cụ thể, chuẩn bị dàn ý chi tiết, thực tập trình bày tại lớp. Trong khi thuyết trình, SV vận dụng những ngôn ngữ hình thể đã được hướng dẫn để làm cho bài nói của mình thêm sinh động, thu hút người nghe. Từ đó giúp SV hình thành và phát triển kỹ năng trình bày trước công chúng với lập luận chặt chẽ, phản biện logic trên tinh thần xây dựng không chỉ ở bộ môn này mà còn ở các bộ môn khác.

Môn học: **Kỹ năng làm bài thi TOEFL (Paper Test)**

Mã môn học: ENGL5215

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Kỹ năng làm bài thi TOEFL (là một trong những môn học tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Ngôn ngữ Anh. Khóa học nhằm giúp sinh viên hệ thống lại kỹ năng ngôn ngữ. Ngoài ra giảng viên còn giúp cho sinh viên làm quen với cấu trúc và nội dung của một bài thi TOEFL và cách làm bài thi hiệu quả.

Môn học: **Khởi nghiệp**

Mã môn học: BADM6306

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Khởi nghiệp là môn học thuộc ngành Quản trị kinh doanh. Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về quá trình khởi tạo doanh nghiệp mới trong nền kinh tế thị trường. Môn học trình bày những nội dung cốt lõi như: Tổng quan về khởi nghiệp, quá trình sáng tạo và phát sinh ý tưởng kinh doanh, đánh giá cơ hội của đề án kinh doanh trên thị trường, vấn đề pháp luật trong khởi nghiệp, kế hoạch khởi

ng nghiệp và chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành và phát triển

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp**

Mã môn học: ENGL5401

Số tín chỉ:4

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Thực tập tốt nghiệp được tổ chức trong học kỳ 11 sau khi sinh viên học xong các môn chuyên ngành. Việc thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên vận dụng các kiến thức được học, đặc biệt là kỹ năng ngôn ngữ và kiến thức chuyên ngành vào trong thực tế hoạt động trong môi trường sử dụng tiếng Anh.

Môn học: **Khoá luận tốt nghiệp**

Mã môn học: ENGL5601

Số tín chỉ:6

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Khóa luận tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh là môn học tổ chức vào học kỳ cuối sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương và những kiến thức chuyên sâu về ngành, chuyên ngành và các kiến thức bổ trợ khác.

XIII. Đề cương chi tiết môn học (Phụ lục 3)

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Lê Xuân Trường